



wū yán

屋檐

Noun · eaves

Example Sentences

wū yán xià yǒu yī zhī māo
屋檐下有一只猫。

There is a cat under the eaves.

nǐ zhùyì dào duì miàn nà dòng lóu wū yán xià de yàn zi wō le ma
你注意到对面那栋楼屋檐下的燕子窝了吗?

Have you noticed the swallow's nest under the eaves of the building opposite?

xià yǔ shí wǒ men zhàn zài wū yán xià dǎo yǔ
下雨时，我们站在屋檐下躲雨。

When it rains, we stand under the eaves to take shelter from the rain.

Trace each character, then write the word on your own.

[illegible][illegible]